

Bản án số: 30/2021/DS-PT
Ngày: 19 tháng 7 năm 2021
"V/v: tranh chấp đất đai"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền,

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Sơn và Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021, về việc "Tranh chấp về đất đai". Do bản án dân sự số: 49/2020/DSST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐ-PT ngày 04/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phùng L, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hàm L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Ngọc Tr, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1968. Địa chỉ: xóm Dương N, xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L - Luật sư Văn phòng luật sư Tuổi trẻ - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hàm L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Ủy quyền cho ông Nguyễn Phùng L, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hàm L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn và cũng là người được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Phùng L trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị L có thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2, (nay là thửa đất số 225 tờ bản đồ số 34) tại xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An có diện tích 390m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16 tháng 12 năm 1995. Vị trí thửa đất như sau: Phía Nam giáp đường Quốc lộ 46 cũ, phía Tây giáp đường liên thôn đi vào Ủy ban nhân dân xã Thanh D, Phía Bắc tiếp giáp phần đất bà Nguyễn Thị H và phía Đông tiếp giáp phần đất ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

Vào năm 1998 vì điều kiện kinh tế nên vợ chồng ông đã vào làm ăn và sinh sống tại xã Hàm L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay thửa đất này gia đình ông đang sử dụng chưa tặng cho, hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Đến tháng 3 năm 2020 vợ chồng ông quyết định về quê sinh sống thì phát hiện trên thửa đất của gia đình ông đã bị ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng mở một con đường láng bê tông đi qua phần đất của gia đình ông được sử dụng.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng tháo dỡ phần tường đã xây và phần láng bê tông để trả lại cho ông phần diện tích đất đã lấn chiếm.

Ý kiến của bị đơn ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng:

Về nguồn gốc thửa đất mà gia đình đang sinh sống là do bố của ông Phùng Ngọc Tr để lại với diện tích là 500m² tại thửa đất số 1143, tờ bản đồ số 3 thuộc xóm 10, xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16 tháng 12 năm 1995 mang tên ông Phùng Ngọc Tr. Về phần đất mà ông Nguyễn Phùng L cho rằng gia đình ông đã lấn chiếm là không có cơ sở. Bởi đây là con đường đã có từ lâu. Trong quá trình sử dụng thửa đất do phần đất của gia đình chênh lệch độ cao quá lớn so với trục đường nên gia đình đã hạ nền đất. Sau khi hạ nền đất ở thì gia đình không đi trên con đường đó nữa mà đi thẳng ra Quốc lộ 46 cũ. Đến thời điểm năm 2020 do lối đi mới không phù hợp nên gia đình ông đã mở lại con đường cũ. Nay việc ông Nguyễn Phùng L yêu cầu ông và bà trả lại phần diện tích đó thì ông và bà không đồng ý.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Cao Tr.

Việc khởi kiện của ông Nguyễn Phùng L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi theo bản đồ 299 thì phần lối đi này là phần xéo trong bản đồ và phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu của ông Nguyễn Phùng L về việc yêu cầu ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng trả lại phần diện tích đất trên.

Tại biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 21 tháng 9 năm 2020 thể hiện: Trên thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2 nay là thửa 225, tờ bản đồ số 34 địa chỉ: Xóm Dương N, xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An hiện nay ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng đã xây dựng một bờ rào bằng gạch táp lô và láng một phần diện tích bê tông làm lối đi tính từ điểm tiếp giáp với phần đất mà ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng đang sử dụng nối với đường liên thôn đi vào Ủy ban nhân dân xã Thanh D với phần diện tích đổ bê tông là $27,1\text{m}^2 \times 55.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 1.490.500 \text{ đồng}$. Phần bờ rào xây bằng táp lô có chiều dài các đoạn là $7,78\text{m}^2 \times 114.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 886.920 \text{ đồng}$. Phần diện tích đất bị lấn chiếm theo xác định của ông Phùng Ngọc Tr và Nguyễn Phùng L là $82,3\text{m}^2 \times 2.800.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 230.440.000 \text{ đồng}$.

Tại Bản án dân sự số 49/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phùng L và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải tháo dỡ toàn bộ bờ rào, phần láng bê tông có diện tích $27,1\text{m}^2$ để trả lại phần diện tích đất $82,3\text{m}^2$ tại thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 225, tờ bản đồ số 34) xóm Dương N xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An(Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí định giá và thẩm định, quyền kháng cáo của các đương sự và hướng dẫn thi hành án dân sự.

Ngày 15/12/2020 bị đơn ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng bờ rào, phần láng bê tông để trả lại phần diện tích đất $82,3\text{m}^2$ tại thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 225 tờ bản đồ số 34 xóm Dương N, xã Thanh D, huyện Thanh Ch). Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ch theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật củ cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục kháng cáo: ông Tr và bà Ng kháng cáo đúng thời hạn, nộp dự phí kháng cáo đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý đúng thẩm quyền.

Về nội dung kháng cáo: Bản án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải tháo dỡ toàn bộ bờ rào, phần láng bê tông có diện tích 27,1m² để trả lại phần diện tích đất 82,3m² tại thửa đất số 1144 tờ bản đồ số 2 nay là thửa 225, tờ bản đồ số 34 tại xóm Dương N, xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An là có cơ sở đúng quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định đã nộp tiền dự phí kháng cáo phúc thẩm nên hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Phùng L và bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông L và bà L. Bị đơn ông Phùng Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Ng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Ông Nguyễn Hữu L có mặt nhưng đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa vì vắng mặt nguyên đơn, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn nên bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn từ chối không tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Phùng L được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 173/QSDĐ ngày 16/12/1995 đối với thửa đất số 1144 tờ bản đồ số 02, nay là thửa số 225 tờ bản đồ số 34, tại xóm 10 (nay là xóm Dương N) xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh

Nghệ An với diện tích được cấp là 390m². Có tứ cận: phía Nam giáp đường quốc lộ 46 cũ; phía Tây giáp đường liên thôn đi vào UBND xã Thanh D, phía Bắc tiếp giáp phần đất bà Nguyễn Thị H, và phía Đông tiếp giáp phần đất của ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng. Theo kết quả đo đạc năm 2014 thì thửa đất này có diện tích là 348m², các tứ cận tiếp giáp không thay đổi, ở ổn định không có tranh chấp. Tại biên bản xác minh tại UBND xã Thanh D ngày 06/11/2020 thể hiện: theo bản đồ 299 thửa đất số 1144 tờ bản đồ số 02 có diện tích là 520m² nhưng trong GCNQSD đất ghi 390m², tại bản đồ số 34 bản đồ địa chính năm 2014 theo đo đạc thực tế thì thửa đất diện tích còn lại là 348m², nguyên nhân có sự chênh lệch về diện tích như vậy là do quá trình đo vẽ bản đồ đo đạc cấp GCNQSD đất và đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì thiết bị đo đạc trong các thời kỳ khác nhau. Sau khi cấp GCNQSD đất cho các hộ dân thì tại địa bàn xã Thanh D đã được Sở Tài nguyên Môi trường tiến hành đo đạc, chỉnh lý bản đồ 299 và hiện nay xã Thanh D đang sử dụng bản đồ số 34 được chỉnh lý năm 2014.

Nguồn gốc thửa đất của ông Tr và bà Ng đang sử dụng là thừa kế của ông nội Nguyễn Phùng Th, được UBND huyện Thanh Ch tỉnh Nghệ An cấp GCNQSD đất số 173QĐ/UBQSDĐ ngày 16/12/1995 đối với thửa đất số 1143 tờ bản đồ số 06 diện tích 500m², theo bản đồ số 299, thửa đất số 1143 có diện tích là 690m². Theo tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính năm 2014, thửa số 227 có diện tích 505,2m². Có tứ cận: phía Nam giáp đường quốc lộ 46, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Phùng L, phía Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị H, phía Đông giáp phần đất nhà thờ họ Nguyễn Phùng.

Căn cứ vào lời khai và các tài liệu bị đơn cung cấp có tại hồ sơ, bị đơn trình bày: Khi chưa san ủi để hạ thấp mặt bằng như hiện nay thửa đất của ông L và gia đình ông Nguyễn Phùng Th (do cố nội Nguyễn Phùng Th để lại) nằm ở trên cao so với mặt đường quốc lộ 46 cũ là 4m cho nên 2 gia đình ông L và ông Th đi chung 1 cổng và cổng đó không thể đi thẳng trước mặt nhà được mà đi dọc theo 2 thửa đất và đường quốc lộ 46 cũ. Sau đó ông Th đã dỡ nhà hạ nền đất bằng mặt đường để chia cho con cháu và mở lối đi thẳng ra quốc lộ 46. Năm 1995 gia đình ông Tr được cấp GCNQSD đất tại bản đồ 299 thể hiện khúc xéo là phần cổng của gia đình ông, đến năm 2018 lối đi thẳng ra quốc lộ 46 không phù hợp nên gia đình ông đã mở lại lối đi cũ dọc theo quốc lộ 46 ra ngã ba liên thôn thì xảy ra tranh chấp. Nguyên đơn cũng thừa nhận trước đây gia đình ông Phùng Th có mở 1 con đường nhỏ đi song song với đường quốc lộ 46 cũ, đi qua phần đất của gia đình ông nhưng sau đó mở rộng đường quốc lộ 46 thì gia đình ông Th đã hạ nền đất và mở lối đi thẳng ra quốc lộ 46. Đến năm 1995 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì không thể hiện có con đường đó nữa

[3]. Căn cứ vào các tài liệu giấy xác nhận của các nhân chứng về nguồn gốc đất của ông Phùng Ngọc Tr do bị đơn cung cấp và lời khai của một số người làm chứng như ông Nguyễn Phùng T, ông Nguyễn Cảnh L, ông Nguyễn Đình M, ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng đều xác định trước đây gia đình ông nội của ông Tr (là ông Phùng Th) có lối đi song song với

đường 46 cũ ra đường liên xã vào UBND xã Thanh D nhưng họ không biết chính xác vị trí, kích thước như thế nào.

Tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 21 tháng 9 năm 2020 thể hiện: hiện nay ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng đã xây dựng một bờ rào bằng gạch tấp lô và lán một phần diện tích bê tông làm lối đi tính từ điểm tiếp giáp với phần đất mà ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng đang sử dụng nối với đường liên thôn đi vào Ủy ban nhân dân xã Thanh D. Trên thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2 nay là thửa 225, tờ bản đồ số 34 địa chỉ: Xóm Dương N, xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Phùng L và bà Nguyễn Thị L. Tổng diện tích đất lần chiếm là 82,3m².

Tại đơn kháng cáo bị đơn ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng cho rằng con đường hiện nay gia đình bị đơn đang sử dụng đi qua thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 225 tờ bản đồ số 34 tại xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An là con đường đã có từ lâu đã được cấp GCNQSD đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 1995 gia đình ông L và ông Tr được cấp GCNQSD đất cùng thời điểm ở ổn định không có tranh chấp, không có khiếu nại về việc cấp GCN QSD đất cho đến năm 2018 ông Tr mở lối đi cũ qua phần đất gia đình ông L được sử dụng hợp pháp thì mới xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào bản đồ 299 trước và sau thời điểm cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Phùng L và ông Phùng Ngọc Tr cũng như tờ bản đồ đo vẽ năm 2014 và tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất của ông Phùng Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Ng vợ ông Tr đã ký xác nhận hình thể, tứ cận đối với thửa đất không thể hiện có con đường ông Tr và bà Ng đang sử dụng. Do đó việc ông Tr và bà Ng cho rằng phần diện tích đất tranh chấp đã được cấp GCNQSD đất cho ông bà là không có căn cứ. Mặt khác tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2013 của ông Nguyễn Phùng L có chữ ký của ông Phùng Ngọc Tr tại mục tên người sử dụng đất, chủ quản lý đất liền kề. Tại bản mô tả này hình thể thửa đất phù hợp với bản đồ 299 cũng như bản đồ địa chính năm 2014 thể hiện phần đất của gia đình ông L và ông Tr về phía Nam giáp đường QL46, mốc giới là 1 đường thẳng không có khúc xéo như bị đơn trình bày. Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng. Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng không được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0004559 ngày 18/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ch. Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phùng Ngọc Tr là con đẻ của liệt sỹ Phùng Ngọc Sơn.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 296, điều 227, điều 228, điều 238, khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phùng L và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải tháo dỡ toàn bộ bờ rào, phần láng bê tông có diện tích 27,1m². Trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 82,3m² tại thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 225, tờ bản đồ số 34) tại xóm Dương N xã Thanh D, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Phùng L và bà Nguyễn Thị L (Có sơ đồ kèm theo).

Về án phí, chi phí định giá và thẩm định:

Buộc ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải trả lại cho ông Nguyễn Phùng L số tiền chi phí thẩm định và định giá với số tiền 4.233.000 đồng. Kỷ phân: Ông Phùng Ngọc Tr 2.116.500 đồng, bà Nguyễn Thị Ng 2.116.500 đồng

Buộc ông Phùng Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0004559 ngày 18/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ch. Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phùng Ngọc Tr.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ch;
- TAND huyện Thanh Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền